

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN KỲ  
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 67/2022/HSST

Ngày: 22/9/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN KỲ - TỈNH NGHỆ AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà: Nguyễn Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà: Trần Thị Hoi

Bà: Lê Thị Mai Hà

***Thư ký phiên tòa:*** bà: Lê Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ .

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Văn Dân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2022/HSST, ngày 31/8/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST-HS, ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đỗ Tiên P; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 13/8/1996 tại huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Xóm A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; con ông: Đỗ Tiên P - Sinh năm: 1968. (Đã ly hôn), tên cha dượng: Trần N, sinh năm: 1964 và bà: Ngô Thị Thanh H, sinh năm: 1960; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/3/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

2. Họ và tên: Phan Thị Minh D; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 07/02/1998 tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Xóm A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; con ông: Phan Minh T, sinh năm: 1975 (Đã ly hôn); họ và tên cha dượng:

Vũ Hồng Q, sinh năm: 1970; con bà: Phạm Thị C, sinh năm: 1978; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/3/2022 đến ngày 15/8/2022. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Bảo lãnh*”.

3. Họ và tên: Lê Thị Ngọc M; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 21/5/1998 tại huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; con ông: Lê Đình H - Sinh năm: 1974 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1977; chồng: Thiều Anh T, sinh năm: 1991; có 01 con, 04 tuổi; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 20/5/2022 đến nay.

4. Họ và tên: Nguyễn Thị T; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 22/10/1998 tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1976 và bà: Phạm Thị Đ, sinh năm: 1976; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 20/5/2022 đến nay.

5. Họ và tên: Trần Thị Mộng T; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 01/6/2002 tại huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; con ông: Trần Văn L, sinh năm: 1975 và bà: Trần Thị P, sinh năm: 1974; chồng: Chưa có; có 01 con, 05 tuổi; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 27/5/2022 đến nay.

6. Họ và tên: Nguyễn Thị Ái T; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 02/3/1995 tại Thị xã A, tỉnh B; nơi cư trú: Khu vực T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; con ông: Nguyễn Văn , sinh năm: 1972 và bà: Tống Thị Mộng L, sinh năm: 1973; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/3/2022 đến ngày 15/8/2022. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Bảo lãnh*”.

*Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Văn T; sinh năm 1950, trú tại: Thôn 4, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. Bà Lưu Thị C, sinh năm 1964, trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

3. Anh Trần Văn T, sinh năm 1973, trú tại: Xóm P, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

4. Ông Lê Viết G, sinh năm 1964, trú tại: xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

5. Ông Cao Xuân N, sinh năm 1953, trú tại: Thôn P, xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

6. Chị Trần Thị V, sinh năm 1988, trú tại: Thôn 8, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

7. Ông Cao Văn B, sinh năm 1964, trú tại: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; có mặt.

8. Chị Lê Thị O, sinh năm 1973, trú tại: Khối 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965, trú tại: Xóm H, xã T, thành phố Hà Tĩnh; vắng mặt.

10. Anh Cao Đăng Q, sinh năm 1979, trú tại: Xóm Y, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

11. Ông Bùi Ngọc A, sinh năm 1941, trú tại: Xóm T, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh: Hà Bảo K; sinh ngày: 10/3/1972; trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2. Ông: Trần N; sinh ngày: 01/01/1964; trú tại: Số 92, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 01 năm 2021, Đỗ Tiên P làm thủ tục thành lập công ty TNHH thương mại dịch vụ Online Sunrise có trụ sở chính tại 91/81 đường Phạm Văn Chiêu, phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (trụ sở mới tại số 7, đường số 6, khu Cityland, phường 10, quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh) để kinh doanh các mặt hàng gia dụng và thực phẩm chức năng. Quá trình bán hàng nhận thấy qua kênh bán hàng online có thể đưa ra các thông tin khuyến mại, trao thưởng không có thật để bán hàng giá trị cao nên Đỗ Tiên P thống nhất với Phan Thị Minh D (Là bạn gái sống chung với Phong) tìm kiếm Data khách hàng và tuyển dụng nhân viên để tư vấn bán hàng. Sau đó, Phan Thị Minh D tìm kiếm, đặt mua dữ liệu gồm tên, địa chỉ và số điện thoại khách hàng trên mạng internet, Đỗ Tiên P đăng ký sử dụng dịch vụ điện thoại bàn với số thuê bao 0287.300.6936 nhưng đầu nối ra 10 điện thoại bàn khác nhau, không bị chồng chéo cuộc gọi để tiếp thị bán hàng

qua điện thoại. Để thuận tiện trong việc gửi hàng hóa cho khách hàng, Đỗ Tiên P đã ký hợp đồng chuyển phát với bưu điện Hóc Môn. Đồng thời, Công ty thuê 04 nhân viên, gồm: Nguyễn Thị Ái T, Nguyễn Thị T, Lê Thị Ngọc M và Trần Thị Mộng T để liên lạc dựa trên dữ liệu số điện thoại khách hàng đã có và tiếp thị bán hàng cho khách, Đỗ Tiên P thống nhất chia hoa hồng cho nhân viên bán hàng là 20% giá trị mỗi đơn hàng mà nhân viên bán được. Khi khách hàng đã đồng ý mua sản phẩm thì ông Trần N (là bố dượng của P) và anh Hà Bảo K, sẽ đóng hàng và gửi hàng đến bưu điện để giao cho khách hàng. Trong quá trình vận hành công ty, do háo hức và muốn thu lợi bất chính từ khách hàng, Đỗ Tiên P đã trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn Nguyễn Thị Ái T, Nguyễn Thị T, Lê Thị Ngọc M và Trần Thị Mộng T gọi điện tư vấn cho khách hàng theo hình thức như sau: Khi khách hàng nghe máy thì nhân viên tự giới thiệu bằng 1 đến 2 tên giả cố định do nhân viên tự chọn, thông báo khách hàng là một trong những khách hàng may mắn được tham gia chương trình quay số trúng thưởng một trong các phần quà tivi, tủ lạnh... có trị giá từ 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) đến 50.000.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu đồng*) và có nhân viên trực tiếp đến nhà trao thưởng, sau này nếu khách mua nhiều sản phẩm thì nhân viên sẽ thông báo tặng thêm phiếu mua hàng trị giá: 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) có thể quy đổi ra tiền mặt. Điều kiện để nhận thưởng là khách hàng phải mua các sản phẩm của Công ty để nhận mã số quay thưởng gửi kèm theo trong gói hàng rồi đọc lại mã số in trên phiếu cho Công ty để xác nhận là đã nhận hàng. Trong đó, Đỗ Tiên P giao cho nhân viên theo mặc định lựa bán đơn hàng đầu tiên có giá từ 980.000 đồng đến 1.880.000 đồng; đơn hàng thứ 02 có giá: 2.000.000 đồng, đơn hàng thứ 03 có giá: 3.000.000 đồng còn từ đơn hàng thứ tư trở đi khi khách đã tin tưởng là thật, các nhân viên sẽ lấy nhiều lý do khác nhau như đóng thuế, chi phí Hải Quan, Công an, phí làm hồ sơ giải ngân... để yêu cầu khách hàng mua các đơn hàng nếu không sẽ không được trao thưởng và hứa là khi Công ty trao thưởng thì những sản phẩm đã mua mà chưa sử dụng, còn nguyên vẹn sẽ được Công ty thu hồi và trả lại toàn bộ số tiền khách đã bỏ ra để khách hàng tin tưởng nhận hàng và tiếp tục đặt mua sản phẩm. Để thuận lợi cho việc bán hàng Đỗ Tiên P đã thuê một nam thanh niên tên Thái để quản lý nhân viên nhưng anh Thái vào làm việc một thời gian ngắn thì tự ý bỏ việc.

Theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Đỗ Tiên P thì từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 02 năm 2022, Nguyễn Thị Ái T, Nguyễn Thị T, Lê Thị Ngọc M, Trần Thị Mộng T đã gọi điện lừa bán hàng cho 11 (*Mười một*) khách hàng, cụ thể như sau:

Vào khoảng tháng 01/2021, Trần Thị Mộng T và Nguyễn Thị T cùng gọi điện đến số điện thoại 033.508.5517 của ông Nguyễn Văn T tư vấn 26 (*Hai mươi sáu*) đơn hàng, trong đó Nguyễn Thị T tư vấn bán 03 (*Ba*) đơn hàng, với giá trị: 6.880.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng*) mặc dù các sản phẩm có giá trị thực: 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) nhằm thu lợi bất chính số tiền: 5.380.000 đồng (*Năm triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng*); Còn Trần Thị

Mộng T tư vấn 23 (Hai mươi ba) đơn hàng có giá trị thực: 11.080.000 đồng (*Mười một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*) nhưng được lừa bán với số tiền: 171.860.000 đồng (*Một trăm bảy mươi một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*) nhằm thu lợi bất chính số tiền là: 160.780.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*), trong đó 14 (Mười bốn) đơn hàng có mức thu lợi bất chính trên: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Đến khoảng đầu tháng 4 năm 2021, Lê Thị Ngọc M gọi điện đến số điện thoại 0945.299.318 của bà Lưu Thị C, tư vấn 29 (*Hai mươi chín*) đơn hàng có tổng giá trị thực: 18.350.000 đồng (*Mười tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được lừa bán với giá: 309.820.000 đồng (*Ba trăm linh chín triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng*) nhằm thu lợi bất chính số tiền: 291.470.000 đồng (*Hai trăm chín mươi một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*), trong đó 19 (Mười chín) đơn hàng có mức thu lợi bất chính trên: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Đến đầu tháng 11 năm 2021, Lê Thị Ngọc M gọi điện đến số điện thoại 0987.798.755 của anh Trần Văn T, tư vấn 14 (Mười bốn) đơn hàng có giá trị thực là: 7.350.000 đồng (*Bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng Lê Thị Ngọc M đã lừa bán với giá: 97.550.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) nhằm thu lợi bất chính số tiền: 90.200.000 đồng (*Chín mươi triệu hai trăm nghìn đồng*), trong đó 07 (Bảy) đơn hàng có mức thu lợi bất chính trên: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Đến ngày 22/11/2021, Lê Ngọc Mai gọi điện thoại cho ông Lê Viết G, tư vấn 09 (Chín) đơn hàng có giá trị thực là: 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được lừa bán với giá: 34.084.000 đồng (*Ba mươi tư triệu không trăm tám mươi tư nghìn đồng*), nhằm thu lợi bất chính số tiền: 30.334.000 đồng (*Ba mươi triệu ba trăm ba mươi tư nghìn đồng*), trong đó 01 (Một) đơn hàng có mức thu lợi bất chính trên: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Đến khoảng tháng 12 năm 2021, Lê Thị Ngọc M gọi điện đến số điện thoại 0368.186.679 của ông Cao Xuân N, tư vấn 04 (Bốn) đơn hàng có giá trị thực là: 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) nhưng được lừa bán với giá: 9.980.000 đồng (*Chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*) nhằm thu lợi bất chính số tiền: 8.180.000 đồng (*Tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*).

Cũng trong tháng 12/2021, Lê Ngọc M gọi điện đến số điện thoại 0357.390.003 của chị Trần Thị V, tư vấn bán 10 (Mười) đơn hàng có tổng giá trị thực là: 3.400.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm nghìn đồng*) nhưng được lừa bán với giá: 35.380.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng*) nhằm thu lợi bất chính số tiền 31.980.000 đồng (*Ba mươi một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*), trong đó 01 (Một) đơn hàng có mức thu lợi bất chính trên: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Đến khoảng tháng 5/2021, Nguyễn Thị Ái T cùng Nguyễn Thị T lần lượt gọi điện đến số điện thoại 0965.234.006 của ông Cao Văn B, tư vấn 20 đơn hàng,

trong đó Nguyễn Thị T tư vấn bán 04 (Bốn) đơn hàng có giá trị thực là: 2.350.000 đồng (*Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được lừa bán với tổng số tiền là: 62.698.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng*) nhằm thu lợi bất chính số tiền: 60.348.000 đồng (*Sáu mươi triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng*), trong đó 03 (Ba) đơn hàng có mức thu lợi bất chính trên: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*); Còn Nguyễn Thị Ái T tư vấn bán 16 (Mười sáu) đơn hàng có giá trị thực là: 11.800.000 đồng (*Mười một triệu tám trăm nghìn đồng*) nhưng được lừa bán với tổng số tiền: 199.160.000 đồng (*Một trăm chín mươi chín triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*) nhằm thu lợi bất chính số tiền: 187.360.000 đồng (*Một trăm tám mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*), trong đó 10 (Mười) đơn hàng có mức thu lợi bất chính trên: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Đến khoảng tháng 11/2021, Nguyễn Thị T gọi điện đến số điện thoại 0919.482.889 của chị Lê Thị O, tư vấn bán 13 (Mười ba) đơn hàng có tổng giá trị thực: 6.700.000 đồng (*Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng*) nhưng được lừa bán với giá: 109.410.000 đồng (*Một trăm linh chín triệu bốn trăm mười nghìn đồng*) nhằm thu lợi bất chính số tiền: 102.710.000 đồng (*Một trăm lẻ hai triệu bảy trăm mười nghìn đồng*), trong đó 06 (Sáu) đơn hàng có mức thu lợi bất chính trên: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Cũng trong tháng 11/2021, Nguyễn Thị T còn gọi điện đến số thuê bao 0945.245.206 của bà Nguyễn Thị H, tư vấn bán 13 (Mười ba) đơn hàng có giá trị thực: 6.440.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*) nhưng được lừa bán với giá: 77.231.000 đồng (*Bảy mươi bảy triệu hai trăm ba mươi một nghìn đồng*) nhằm thu lợi bất chính số tiền: 70.791.000 đồng (*Bảy mươi triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng*), trong đó 04 (Bốn) đơn hàng có mức thu lợi bất chính trên: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Đến khoảng tháng 12/2021, Nguyễn Thị T đã gọi điện đến số điện thoại 0973.480.940 của anh Cao Đăng Q, tư vấn bán 05 (Năm) đơn hàng có tổng giá trị thực: 1.350.000 đồng (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được lừa bán với giá: 13.790.000 đồng (*Mười ba triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*) nhằm thu lợi bất chính số tiền: 12.440.000 đồng (*Mười hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Trong thời gian này, Trần Thị Mộng T cũng gọi điện đến số điện thoại 0987.997.429 của ông Bùi Ngọc A, tư vấn bán 07 (Bảy) đơn hàng có giá trị thực: 2.950.000 đồng (*Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được lừa bán với số tiền: 15.730.000 đồng (*Mười lăm triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*) nhằm thu lợi bất chính số tiền: 12.780.000 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*).

Bản cáo trạng số: 67/CT-VKSTK ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ đã truy tố các bị cáo Đỗ Tiên P, Phan Thị Minh D,

Nguyễn Thị T, Lê Thị Ngọc M, Trần Thị Mộng T, Nguyễn Thị Ái T, về tội “*Lừa dối khách hàng*” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 198 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung cáo trạng, tội danh và điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2, khoản 3 Điều 198; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đỗ Tiên P từ 12 đến 15 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam, ngày 5/3/2022. Phạt bổ sung số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) đến 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2, khoản 3 Điều 198; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: - Bị cáo Phan Thị Minh D từ 7 đến 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 5/3/2022 đến ngày 15/8/2022. Phạt bổ sung số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) đến 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2, khoản 3 Điều 198; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T, Trần Thị Mộng T mỗi bị cáo từ 6 đến 9 tháng tù. Phạt bổ sung mỗi bị cáo 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) đến 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2, khoản 3 Điều 198; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: - Bị cáo Lê Thị Ngọc M từ 6 đến 9 tháng tù. Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) đến 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Bị cáo Nguyễn Thị Ái T 5 tháng 10 ngày tù được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 5/3/2022 đến ngày 15/8/2022. Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) đến 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho các bị hại, các bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng vụ án: Toàn bộ số vật chứng do người bị hại giao nộp theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa cơ quan Công an huyện Tân Kỳ và chi Cục thi hành án huyện Tân Kỳ là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng để phạm tội, đang còn giá trị sử dụng nên tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước.

Tiêu hủy: Một xấp phiếu Voucher khách hàng được bọc bên ngoài bằng lớp giấy có nhiều dòng chữ và dán lại bằng băng dính, bên trong các phiếu Voucher còn mới, phẳng xếp chồng lên nhau.

Trả lại cho bị cáo Đỗ Tiên P: 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số DN: 0316772179, đăng ký lần đầu 26/3/2021, tên Công ty: Công ty TNHH thương mại dịch vụ Online Sunrise; 01 (Một) con dấu mang tên Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Online Sunrise, mã số DN: 0316772179; 02 (Hai) thẻ ATM có số thẻ: 0704 0325 6326 5571 và 4221 4986 6657 7961.

Về án phí, buộc các bị cáo Đỗ Tiên P, Phan Thị Minh D, Nguyễn Thị T, Lê Thị Ngọc M, Trần Thị Mộng T, Nguyễn Thị Ái T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả và thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát, mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Kỳ, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Tiên P, Phan Thị Minh D, Nguyễn Thị T, Lê Thị Ngọc M, Trần Thị Mộng T, Nguyễn Thị Ái T đã khai nhận hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, đúng như nội dung của bản cáo trạng đã quy kết, không có khai nại gì khác. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, được lập vào ngày 17/2/2022, phù hợp với lời khai của các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đầy đủ cơ sở kết luận: Đỗ Tiên P sau khi đăng ký thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Online Sunrise, kinh doanh các mặt hàng gia dụng và thực phẩm chức năng. Quá trình vận hành Công ty, do muốn thu lợi bất chính nên Đỗ Tiên P thống nhất với Phan Thị Minh D (là bạn gái sống chung như vợ chồng với

Phong) tìm kiếm data khách hàng rồi Đỗ Tiên P hướng dẫn các nhân viên Nguyễn Thị Ái T, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Thị T và Trần Thị Mộng T đưa ra các thông tin gian dối về chương trình quay số trúng thưởng, để các bị hại tin tưởng liên tiếp đặt mua các sản phẩm do Công ty phân phối với giá trị cao hơn nhiều lần so với giá trị thực tế. Bằng thủ đoạn gian dối, trong thời gian từ tháng 01/2021 đến khi bị bắt, Đỗ Tiên P đã chỉ đạo nhân viên lừa bán sản phẩm cho 11 (*Mười một*) khách hàng gồm: Nguyễn Văn T, Lưu Thị C, Cao Văn B, Cao Đăng Q, Trần Văn T, Cao Xuân N, Lê Viết G, Lê Thị O, Bùi Ngọc A, Trần Thị V, Nguyễn Thị H nhằm thu lợi bất chính tổng số tiền 1.064.753.000 đồng (*Một tỷ không trăm sáu mươi tư triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng*). Trong đó, Lê Thị Ngọc M lừa bán 66 (*Sáu mươi sáu*) đơn hàng cho 05 (*Năm*) khách hàng gồm: Lưu Thị C, Lê Viết G, Cao Xuân N, Trần Thị V, nhằm thu lợi bất chính cho Công ty số tiền: 452.164.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi hai triệu một trăm sáu mươi tư nghìn đồng*) và được hưởng lợi bất chính số tiền: 97.363.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng*), trong đó 28 (*Hai mươi tám*) đơn hàng có mức thu lợi bất chính trên: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*); Nguyễn Thị T lừa bán 38 (*Ba mươi tám*) đơn hàng cho 05 (*Năm*) khách hàng gồm: Nguyễn Văn T Cao Văn B, Lê Thị O, Nguyễn Thị H, Cao Đăng Q, nhằm thu lợi bất chính cho Công ty số tiền: 251.669.000 đồng (*Hai trăm năm mươi một triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng*) và được hưởng lợi bất chính số tiền: 54.000.000 đồng (*Năm mươi bốn triệu đồng*), trong đó 13 (*Mười ba*) đơn hàng có mức thu lợi bất chính trên: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*); Trần Thị Mộng T lừa bán 27 (*Hai mươi bảy*) đơn hàng cho 02 (*hai*) khách hàng Bùi Ngọc A, Nguyễn Văn T, nhằm thu lợi bất chính cho Công ty số tiền: 173.560.000 đồng (*Một trăm bảy mươi ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) và hưởng lợi bất chính số tiền: 37.518.000 (*Ba mươi bảy triệu năm trăm mười tám nghìn đồng*), trong đó 14 (*Mười bốn*) đơn hàng có mức thu lợi bất chính trên: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*); Nguyễn Thị Ái T lừa bán 16 đơn hàng cho khách hàng Cao Văn B, nhằm thu lợi bất chính cho Công ty số tiền: 187.360.000 đồng (*Một trăm tám mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*) và được hưởng lợi bất chính số tiền: 39.832.000 đồng (*Ba mươi chín triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng*), trong đó 10 (*Mười*) đơn hàng có mức thu lợi bất chính trên: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*); Đỗ Tiên P và Phan Thị Minh D quản lý, điều hành Công ty được hưởng lợi bất chính số tiền: 836.040.000 đồng (*Tám trăm ba mươi sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Thủ đoạn mà các bị cáo thực hiện là dùng thủ đoạn gian dối về chương trình quay số trúng thưởng, để các bị hại tin tưởng liên tiếp đặt mua các sản phẩm do Công ty phân phối với giá trị cao hơn nhiều lần so với giá trị thực tế. Trị giá tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là: 1.064.753.000 đồng (*Một tỷ không trăm sáu mươi tư triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng*). Như vậy hành vi của Đỗ Tiên P, Phan Thị Minh D, Nguyễn Thị T, Lê Thị Ngọc M, Trần Thị Mộng T,

Nguyễn Thị Ái T đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa dối khách hàng*”, tại điểm a, d khoản 2 Điều 198 Bộ luật Hình sự quy định:

*“1. Người nào trong việc mua, bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ mà cân, đong, đo, đếm, tính gian hàng hóa, dịch vụ hoặc dùng thủ đoạn gian dối khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*a) Có tổ chức;*

*.....*

*d) Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên”.*

[3] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo thực hiện là loại tội phạm thuộc vào trường hợp nghiêm trọng, có đồng phạm, bị cáo Đỗ Tiên P là người chủ mưu, cầm đầu, Phan Thị Minh D là người giúp sức tích cực, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Thị T, Trần Thị Mộng T, Nguyễn Thị Ái T giữ vai trò người thực hành. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, quyền và lợi ích hợp pháp của người mua hàng hóa, người tiêu dùng nên cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra để cải tạo, giáo dục các bị cáo và để phòng ngừa chung cho xã hội nhưng khi lượng hình cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo để giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đỗ Tiên P, Phan Thị Minh D, Nguyễn Thị T, Lê Thị Ngọc M, Trần Thị Mộng T, Nguyễn Thị Ái T bị áp dụng tình tiết “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đỗ Tiên P, Phan Thị Minh D, Nguyễn Thị T và Trần Thị Mộng T bị áp dụng tình tiết “*Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên*” quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại; Các bị cáo đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án được Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Kỳ ghi nhận; Các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt, phân hóa vai trò bị cáo Đỗ Tiên Phong là người chủ mưu, cầm đầu hưởng lợi bất chính số tiền: 836.040.000 đồng (*Tám trăm ba mươi sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*) vì vậy mức án của Phong phải cao hơn những bị cáo khác

và việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp cần được chấp nhận.

Bị cáo Phan Thị Minh D, Nguyễn Thị T, Trần Thị Mộng T khi thực hiện việc giao dịch mua bán hàng đối với ông Bùi Ngọc A, ông Nguyễn Văn T qua điện thoại nên các bị cáo không biết ông Bùi Ngọc A, ông Nguyễn Văn T là người trên 70 tuổi vì vậy khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ mức hình phạt đối với các bị cáo. Bị cáo Phan Thị Minh D cùng với Đỗ Tiên Phong hưởng lợi bất chính số tiền: 836.040.000 đồng (*Tám trăm ba mươi sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*), vì thế mức án của bị cáo Diệu thấp hơn bị cáo Phong nhưng cao hơn các bị cáo còn lại. Bị cáo Nguyễn Thị T hưởng lợi bất chính số tiền: 54.000.000 đồng (*Năm mươi bốn triệu đồng*), Trần Thị Mộng T hưởng lợi bất chính số tiền: 37.518.000 (*Ba mươi bảy triệu năm trăm mười tám nghìn đồng*). Bị cáo Lê Thị Ngọc M hưởng lợi bất chính số tiền 97.363.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng*), xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ thì các bị cáo có mức án tương đương nhau. Bị cáo Nguyễn Thị Ái T hưởng lợi bất chính số tiền: 39.832.000 đồng (*Ba mươi chín triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng*), việc cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian là cần thiết nhưng xét thấy các bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 BLHS và 01 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 điều 51 BLHS, vì vậy cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, áp dụng Điều 54 BLHS cho các bị cáo Phan Thị Minh D, Nguyễn Thị T, Trần Thị Mộng T, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Ái T hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ cần được chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 198 Bộ luật hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, vì vậy áp dụng phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo Đỗ Tiên P, Phan Thị Minh D, Nguyễn Thị Ái T, Nguyễn Thị T, Lê Thị Ngọc M và Trần Thị Mộng T như lời đề nghị đại diện viện kiểm sát là có căn cứ.

[6] Đối với anh Hà Bảo K và ông Trần Ngọc là những người được Đỗ Tiên P thuê, phụ trách việc đóng hàng gửi cho bưu cục để chuyển phát đơn đến khách hàng mà không tham gia, không biết đến việc sử dụng thủ đoạn gian dối nhằm lừa bán sản phẩm với giá trị cao hơn nhiều lần so với giá trị thực tế nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với anh Hà Bảo K và ông Trần Ngọc về tội “Lừa dối khách hàng”.

Đối với nam thanh niên tên Thái được Đỗ Tiên P tuyển dụng để giúp Phong quản lý nhân viên bán hàng nhưng Thái làm việc trong thời gian ngắn, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ cụ thể của người này nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Cao Văn B, Cao Đăng Q, Trần Văn T, Cao Xuân N, Lê Viết G, Lê Thị O, Bùi Ngọc A, Trần Thị V, Nguyễn Văn T,

Nguyễn Thị H và Lưu Thị C đã được các bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền mua hàng nay không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Về vật chứng vụ án: 01 (Một) chiếc điện thoại di động Samsung Note 20 Ultra 5G đã qua sử dụng thu giữ của Đỗ Tiên P; 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 12 ProMax màu xanh đã qua sử dụng thu giữ của Phan Thị Minh D; 01 (Một) chiếc điện thoại di động Iphone 13 màu hồng nhạt thu giữ của Nguyễn Ái Trinh; 01 (một) chiếc laptop Asus Zenbook 14; 03 (Ba) cục Moderm Wifi bằng nhựa màu trắng, màu đen có đặc điểm giống nhau, mặt sau mỗi cục Moderm dán mã vạch khác nhau, bao gồm các mã S/N: S808197Q02986, S/N: S808197Q02978, S/N: 22084W0002867 tình trạng nguyên vẹn; 10 (Mười) điện thoại bàn nhãn hiệu Fanvil bằng nhựa màu đen có đặc điểm giống nhau, Model: X1 có cổng kết nối mạng LAN, mặt sau mỗi điện thoại có dán số Seri và địa chỉ MAC khác nhau; 10 (Mười) củ sạc có dây bằng nhựa màu đen có đặc điểm, kích thước giống nhau, Model: F05L5-050060SPAU; 13 gối massage; 01 máy sấy tóc Panasonic; 29 hộp hâm điện; 07 bếp nướng Fujika; 15 đèn bắt muối; 03 bàn là du lịch HT-258B; 18 máy massage trị liệu; 02 máy sấy tóc Panasonic Satin hair 552; 07 máy xay thịt Gourmet Cuisine; 01 máy xay sinh tố Mrgio Buildt; 03 máy xay thịt madel germany; 01 bếp hồng ngoại Apec; 11 máy sấy tóc Panasonic Model 5528; 14 máy kẹp nướng; 16 bàn là Royal Delux; 01 vỉ nướng điện Electric Barbecue Plate Model 6048; 01 máy xay sinh tố cầm tay Nutritional Factors BN-0100; 05 máy xay sinh tố Aulux SB-30T; 01 bàn là khô Sunhouse Dry Iron Model SHD 1072; 03 bếp lẩu nướng KWT – 8802; 08 đai massage; 05 máy hút bụi Vacuum Cleaner JK-8; 02 máy hút bụi Vacuum HAD-1000W; 01 nồi lẩu 2 ngăn size 32; 04 nồi lẩu 2 ngăn Two-Flavor HOT POT Multifunction size 30; 06 nồi lẩu 2 ngăn Mandarin Duck HOT POT Perfect PF-A2N; 02 bộ nồi inox hình trụ tròn; 01 bếp nướng JZ-001; 07 bếp nướng cao cấp FJ-EG3515; 85 hộp collagen tex diệp lục (hộp 60 viên); 11 hộp collagen tex diệp lục (Hộp 30 gói), các vật chứng trên là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng để phạm tội, đang còn giá trị sử dụng nên tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước.

Trả lại cho Đỗ Tiên P 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số DN: 0316772179, đăng ký lần đầu 26/3/2021, tên Công ty: Công ty TNHH thương mại dịch vụ Online Sunrise; 01 (Một) con dấu mang tên Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Online Sunrise, mã số DN: 0316772179; 02 (Hai) thẻ ATM có số thẻ: 0704 0325 6326 5571 và 4221 4986 6657 7961 của Đỗ Tiên P không phải là vật chứng nên áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

**Tiêu hủy:** Một xấp phiếu Voucher khách hàng được bọc bên ngoài bằng lớp giấy có nhiều dòng chữ và dán lại bằng băng dính, bên trong các phiếu Voucher còn mới, phẳng xếp chồng lên nhau.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên:**

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Tiên P, Phan Thị Minh D, Nguyễn Thị T, Lê Thị Ngọc M, Trần Thị Mộng T, Nguyễn Thị Ái T, về tội “*Lừa dối khách hàng*”.

2. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2, khoản 3 Điều 198; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đỗ Tiên P 12 (*Mười hai*) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam, ngày 5/3/2022. Phạt bổ sung số tiền 30.000.000 đồng (*Ba Mươi triệu đồng*).

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2, khoản 3 Điều 198; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: - Bị cáo Phan Thị Minh D 7 (*Bảy*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 5/3/2022 đến ngày 15/8/2022. Phạt bổ sung số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2, khoản 3 Điều 198; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: - Bị cáo Nguyễn Thị T 6 (*Sáu*) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

- Bị cáo Trần Thị Mộng T 6 (*Sáu*) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2, khoản 3 Điều 198; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: - Bị cáo Lê Thị Ngọc M 6 (*Sáu*) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

- Bị cáo Nguyễn Thị Ái T 5 tháng 10 ngày tù được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 5/3/2022 đến ngày 15/8/2022. Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

3. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho các bị hại, các bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Hóa giá sung công quỹ Nhà nước: 01 (Một) chiếc điện thoại di động Samsung Note 20 Ultra 5G đã qua sử dụng thu giữ của Đỗ Tiên P; 01 (một) chiếc

điện thoại Iphone 12 ProMax màu xanh đã qua sử dụng thu giữ của Phan Thị Minh D; 01 (Một) chiếc điện thoại di động Iphone 13 màu hồng nhạt thu giữ của Nguyễn Ái Trinh; 01 (một) chiếc laptop Asus Zenbook 14; 03 (Ba) cục Moderm Wifi bằng nhựa màu trắng, màu đen có đặc điểm giống nhau, mặt sau mỗi cục Moderm dán mã vạch khác nhau, bao gồm các mã S/N: S808197Q02986, S/N: S808197Q02978, S/N: 22084W0002867 tình trạng nguyên vẹn; 10 (Mười) điện thoại bàn nhãn hiệu Fanvil bằng nhựa màu đen có đặc điểm giống nhau, Model: X1 có cổng kết nối mạng LAN, mặt sau mỗi điện thoại có dán số Seri và địa chỉ MAC khác nhau; 10 (Mười) củ sạc có dây bằng nhựa màu đen có đặc điểm, kích thước giống nhau, Model: F05L5-050060SPAU; 13 gối massage; 01 máy sấy tóc Panassonic; 29 hộp hâm điện; 07 bếp nướng Fujika; 15 đèn bắt muối; 03 bàn là du lịch HT-258B; 18 máy massage trị liệu; 02 máy sấy tóc Panasonic Satin hair 552; 07 máy xay thịt Gourmet Cuisine; 01 máy xay sinh tố Mrgio Buildt; 03 máy xay thịt madel germany; 01 bếp hồng ngoại Apec; 11 máy sấy tóc Panasonic Model 5528; 14 máy kẹp nướng; 16 bàn là Royal Delux; 01 vỉ nướng điện Electric Barbecue Plate Model 6048; 01 máy xay sinh tố cầm tay Nutritional Factors BN-0100; 05 máy xay sinh tố Aulux SB-30T; 01 bàn là khô Sunhouse Dry Iron Model SHD 1072; 03 bếp lẩu nướng KWT – 8802; 08 đai massage; 05 máy hút bụi Vacuum Cleaner JK-8; 02 máy hút bụi Vacuum HAD-1000W; 01 nồi lẩu 2 ngăn size 32; 04 nồi lẩu 2 ngăn Two-Flavor HOT POT Multifunction size 30; 06 nồi lẩu 2 ngăn Mandarin Duck HOT POT Perfect PF-A2N; 02 bộ nồi inox hình trụ tròn; 01 bếp nướng JZ-001; 07 bếp nướng cao cấp FJ-EG3515; 85 hộp collagen tex điệp lục (hộp 60 viên); 11 hộp collagen tex điệp lục (Hộp 30 gói).

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu tiêu hủy: Một xấp phiếu Voucher khách hàng được bọc bên ngoài bằng lớp giấy có nhiều dòng chữ và dán lại bằng băng dính, bên trong các phiếu Voucher còn mới, phẳng xếp chồng lên nhau.

Trả lại cho Đỗ Tiên P: 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số DN: 0316772179, đăng ký lần đầu 26/3/2021, tên Công ty: Công ty TNHH thương mại dịch vụ Online Sunrise, địa chỉ trụ sở chính: 91/81 đường Phạm Văn Chiêu, phường 14, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, chủ sở hữu: Đỗ Tiên P; 01 (Một) con dấu mang tên Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Online Sunrise, mã số DN: 0316772179; **02 (Hai) thẻ ATM có số thẻ: 0704 0325 6326 5571 và 4221 4986 6657 7961.**

Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa Công an huyện Tân Kỳ và Chi cục thi hành án huyện Tân Kỳ.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Đỗ Tiên P, Phan Thị Minh D, Nguyễn Thị T, Lê

Thị Ngọc M, Trần Thị Mộng T, Nguyễn Thị Ái T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, người bị hại, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- Công an huyện Tân Kỳ;
- VKSND huyện Tân Kỳ;
- Chi cục THADS Tân Kỳ;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo; Bị hại, NCQLNVLQ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Hương**

14 gói masage;  
32 hộp hăm điện;

04 bếp nướng Fujika;  
16 đèn bắt muối;  
18 máy massage trị liệu  
01 máy xay Mrgio Buildt;  
01 vỉ nướng điện DS 6048;  
01 máy xay sinh tố cầm tay Nutritional Factors;  
05 máy xay sinh tố Aulux;  
01 bàn là khô Sunhouse Dry Iron;  
01 bếp lẩu nướng KWT – 8802;  
01 máy hút bụi HAD-1000W;  
01 nồi lẩu 2 ngăn size 32;  
11 nồi lẩu 2 ngăn size 30;  
01 nồi lẩu điện 2 ngăn Model PF-A2N;  
03 bếp nướng JZ-001, FJ-EG3515;